

# **NỮ CÔNG NHÂN NHẬP CƯ VÀ VAI TRÒ KÉP TRONG CUỘC MÙU SINH**

-----  
Phan Thị Kim Liên

-----  
**ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI (tập 1)**

**Tình cảnh sống người công nhân: thân phận, rủi ro và chiến lược sống**

Nhiều tác giả - Nguyễn Đức Lộc chủ biên. 2015

Nhà xuất bản Tri Thức – Viện Social Life

Bản quyền @ Viện nghiên cứu Đời sống Xã hội - SocialLife

Website: sociallife.vn – Email: lienhe@sociallife.vn

## **Dự án: Digital Data for People - Viện SocialLife**

---

Nguồn tài liệu mà quý độc giả đang sử dụng thuộc Dự án “Digital Data for People” do Viện Nghiên cứu Đời sống xã hội (SocialLife) khởi xướng, đầu tư nguồn lực và giữ bản quyền. Quý độc giả tùy tâm chia sẻ kinh phí khi sử dụng tài liệu này. Qua đó, chúng tôi có thêm nguồn lực duy trì và phát triển nguồn học liệu mở cho cộng đồng.

### **Thông tin tiếp nhận:**

Số Tài Khoản: 0281001322871

Chủ Tài Khoản: Nguyễn Thị Tuyết Thanh

Ngân Hàng: Vietcombank - Chi Nhánh Bình Dương

## NỮ CÔNG NHÂN NHẬP CƯ VÀ VAI TRÒ KÉP TRONG CUỘC MƯƠI SINH

*Phan Thị Kim Liên*

### Tóm tắt

Một bộ phận cư dân nông thôn đổ về đô thị khoác lên mình một thân phận mới - công nhân. Nghề công nhân vốn dĩ đối diện với trăm bề khó khăn tại nơi đến, đối với nữ công nhân nhập cư càng thêm khó khăn. Khó khăn đó xuất phát từ vai trò giới mà xã hội ngày nay đặt lên vai họ. Do đó, bài viết quan tâm đến ảnh hưởng của nhận thức giới tác động đến quyết định di cư và tác động mạnh mẽ tới đời sống của công nhân nữ tại nơi nhập cư; dù rằng vất vả, bộn bề lo toan nhưng họ vẫn cảm thấy an vui khi nghĩ về gia đình.

**Từ khóa:** *Nữ công nhân, vai trò kép, định kiến giới, động lực xuất cư*

### Mở đầu

Phụ nữ Việt Nam, trong từng thời kỳ lịch sử, đã có những đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế và trong việc tạo thu nhập cho hộ gia đình, thông

qua thương mại, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp. Thế nhưng, những công lao đó chưa được xã hội ghi nhận xứng đáng, vị thế của người phụ nữ vẫn chưa được đặt để ở vị trí tương hợp, khi mà tất cả các mối quan hệ trong cộng đồng, trong gia đình đều lấy nam giới là trung tâm. Vị thế nam giới được đề cao là hệ quả của chủ nghĩa phụ quyền, đại diện là hệ tư tưởng Nho giáo vốn tồn tại và bén rễ sâu sắc trong tâm thức của người Việt bao đời nay. Theo đó, người phụ nữ phải luôn cố gắng tuân thủ, ứng xử hợp với “tam tòng”, “tứ đức” nhằm tránh sự lên án, chỉ trích của xã hội. Nhưng cuộc cách mạng công nghiệp đã dần giúp người phụ nữ nâng cao được vị thế của mình trong gia đình và xã hội. Thật vậy, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam từ sau Đổi Mới (1986) cùng với chính sách công nghiệp hóa theo định hướng xuất khẩu, đã làm thay đổi diện mạo của đời sống kinh tế - xã hội. Tốc độ đô thị hóa nhanh chóng diễn ra rõ ràng ở sự chuyển đổi cơ cấu từ nền kinh tế dựa vào nông nghiệp sang nền kinh tế chú trọng hơn vào công nghiệp và theo định hướng xuất khẩu. Theo dự báo của Liên Hiệp Quốc, đến năm 2040, dân số đô thị tại Việt Nam sẽ vượt cao hơn dân số nông thôn (Liên Hiệp Quốc, 2008). Đô thị hóa được đánh giá dựa vào năm đặc điểm: chuyển đổi về kinh tế, chuyển đổi phúc lợi, chuyển đổi dân

số, chuyển đổi hành chính, chuyển đổi không gian (Ngân hàng Thế giới, 2011). Và quá trình đô thị hóa đã kéo theo hiện tượng di dân diễn ra mạnh mẽ. Số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy, số người di cư từ nông thôn ra thành thị năm 2007 là 320.081 người đã tăng lên thành 390.614 người vào năm 2013. Và trong dòng người di cư ấy, có đến 220.575 người là nữ giới trong khi nam giới là 170.039 người (2013) (Tổng cục Thống kê, 2013). Cũng vậy, số liệu thống kê từ cuộc Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009 thể hiện rằng có hơn 50% người di cư là nữ giới. Lý giải cho hiện trạng “nữ hóa di cư” có hai nguyên nhân chính được đưa ra, đó là: Sự giảm cầu lao động trong các hoạt động nông nghiệp tại nông thôn và sự gia tăng các cơ hội việc làm cho nữ giới tại các đô thị, cụ thể hơn là ở các khu công nghiệp (Đặng, 2003; Kabeer và Trần, 2006, dẫn lại theo Hoàng Bá Thịnh, 2012). Bên cạnh đó, theo một báo cáo của Ban quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất (5/2007), đội ngũ lao động trong các khu công nghiệp - khu chế xuất có 90% là nữ giới. Bởi vì công việc dây chuyền lắp ráp giản đơn, không đòi hỏi học vấn cao cũng như tay nghề, chỉ cần cần mẫn, chịu khó và chấp nhận lương thấp mà đặc điểm này thường thấy ở nữ giới (Mohammed L.A, 1998, dẫn lại theo Lê Bạch Dương và Nguyễn Thanh Liêm, 2011). Điều này cũng

trùng khớp trong nghiên cứu của Lê Bạch Dương và Nguyễn Thanh Liêm (2011) về sự tập trung chủ yếu của lao động nữ trong các công việc dây chuyền, như: may mặc, giày da, điện tử, thực phẩm... Thật vậy, xu hướng nữ hóa trong lực lượng công nhân nhập cư đang ngày càng trở nên phổ biến, bởi cơ hội việc làm dành cho nữ giới rất dồi dào ở các khu công nghiệp tại những đô thị lớn (Actionaid, 2014). Nhận định này cho thấy, sự tích cực tham gia vào lao động sản xuất, đóng góp đáng kể cho kinh tế của hộ sẽ góp phần nâng cao vị thế của người phụ nữ trong gia đình.

Tuy vậy, sâu xa của quyết định di cư ở nữ giới có mối liên hệ chặt chẽ với vai trò giới (Actionaid, 2011). Mặc dù phụ nữ có những đóng góp rất đáng kể cho đời sống kinh tế của hộ gia đình nhưng những đóng góp đó của họ dường như bị lãng quên. Các cuộc điều tra nghiên cứu cho thấy sự tham gia vào các lao động nông nghiệp của người phụ nữ không được tính đến là bởi vì cũng giống như nội trợ, đây là loại lao động không được trả lương và đôi khi “vô hình” do nó chỉ diễn ra trong khu vườn nhà, hay chăn nuôi trong nhà hay quanh quần ở nông trại (Phạm Hồng Thái). Dưới tác động của đô thị hóa, nữ giới đang dần khẳng định vị thế của mình khi tham gia vào dòng di cư đến làm việc tại các khu công nghiệp, tạo ra thu

nhập, cùng đóng góp cho kinh tế hộ gia đình. Điều đó không có nghĩa là sẽ giúp nữ giới xóa bỏ đi những định kiến về giới mà xã hội áp đặt cho họ bấy lâu nay. Ngày nay phụ nữ vẫn được mong đợi ở cả hai vai trò sản xuất và tái sản xuất (tái sản xuất sinh học, tái sản xuất sức lao động và tái sản xuất ra cơ cấu cộng đồng) (Lê Thị Quý, 2005). Cùng lúc đảm đương hai vai trò là một đòi hỏi, thách thức lớn đối với người phụ nữ, đặc biệt là ở nhóm nữ công nhân nhập cư, nơi mà kinh tế là áp lực mạnh mẽ thúc đẩy họ xuất cư. Nên dù là xuất cư giúp nữ công nhân tạo ra thu nhập, đóng góp cho kinh tế của gia đình, nhưng quá trình xã hội hóa về các chuẩn mực Nho giáo đã khiến người phụ nữ nhập tâm rằng chăm lo cho gia đình (dù là đang độc thân hay đã lập gia đình) là trách nhiệm và bổn phận của chính mình. Do vậy, những nữ công nhân nhập cư vẫn thường đau đầu về cuộc sống chật vật nơi quê nhà, cố gắng chắt chiu cái ăn cái mặc để gửi tiền về lo cho gia đình, cho con cái ở quê nhà. Họ chấp nhận dần thân, dù rằng đôi khi những áp lực mưu sinh khiến họ mệt mỏi. Có thể thấy rằng, những hệ thống giá trị, chuẩn mực xã hội về giới tác động mạnh mẽ đến động lực di cư và các ứng xử trong mối quan hệ gia đình của nữ công nhân nhập cư.

Phụ nữ di cư là một trong những vấn đề được quan tâm trong các nghiên cứu về di dân bởi tính

để bị tổn thương của nhóm đối tượng này. Có thể kể đến một số nghiên cứu sau:

Trước hết là những nghiên cứu sâu về mối liên hệ giữa sự khác biệt giới và di cư. Nghiên cứu của nhiều tác giả cho rằng, nữ giới gửi số lượng tiền về gia đình nhiều hơn so với nam giới vì họ tần tiện, tiết kiệm được nhiều hơn. Không chỉ vậy, khác biệt giới còn thể hiện dưới nhiều góc độ, chẳng hạn như: khác biệt giới trong các loại hình công việc, thu nhập, chi tiêu, cách quản lý tiền bạc. Và điều quan trọng là sự khác biệt giới này tác động tích cực đến gia đình của nữ công nhân khi đời sống kinh tế của họ được nâng cao hơn nhờ những đồng tiền tiết kiệm được gửi về (Nhóm tác giả Thai Thi Ngọc Du, Nguyen Xuan Nghia, Nguyen Thi Thu Ha, Nguyen Thi Nhan và Maryanne Loughry, 2006; Niimi và Reilly, 2008; Huỳnh Minh Thu và cộng sự, 2012; Lê Bạch Dương và Nguyễn Thanh Liêm, 2011; Nguyễn Thị Hồng Xoan và cộng sự, 2012; Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam, 2012).

Thứ hai là, những nghiên cứu quan tâm đến đời sống của nữ công nhân nhập cư. Dựa trên cách tiếp cận về quyền, vấn đề tiếp cận an sinh xã hội của người lao động nhập cư được xem xét ở khía cạnh các chính sách chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm, các chính sách về giáo dục. Bên cạnh đó, các xu hướng nhập



cư cũng được đề cập, đáng lưu ý là xu hướng nữ hóa trong lực lượng lao động nhập cư và xu hướng nhập cư mang theo con nhỏ. Do vậy, đề xuất cần để ý đến yếu tố nữ hóa trong quá trình xây dựng chính sách an sinh xã hội (Actionaid, 2014).

Ở góc độ cụ thể khi xem xét về đời sống nữ công nhân may, kết quả nghiên cứu của Nghiêm Liên Hương đã làm rõ động cơ di cư của nữ giới được thúc đẩy bởi cả trách nhiệm đối với cha mẹ lẫn cảm nhận về tự do cá nhân. Cũng nhờ đó mà vị thế của các cô gái trẻ trong gia đình được nâng lên khi có được quyền tự chủ nhiều hơn trong các công việc gia đình và bản thân (Nghiêm Liên Hương, 2010). Các khám phá từ nghiên cứu của Actionaid năm 2011 phân tích những lực đẩy (điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh gia đình, thiếu đất sản xuất) và lực hút (thị trường lao động dồi dào, đa dạng dịch vụ) thôi thúc nữ công nhân tham gia vào dòng người di cư đã góp phần minh họa rõ nét hơn về động lực di cư của nữ công nhân. Nhưng kết quả của nghiên cứu tập trung phân tích ở tính dễ bị tổn thương của nữ giới nhập cư trong việc tiếp cận các dịch vụ công cộng, tổn thương trong đời sống sinh hoạt, trong công việc. Những điều này là xuất phát từ các định kiến về giới. Do đó, phụ nữ nhập cư đã nỗ lực rất nhiều để thoát khỏi những định kiến, bằng cách đi lên thông qua

con đường kết hôn và giáo dục (Lisa Rofel, 1999). Tuy vậy, để có thể khẳng định vị thế của mình ở thành thị, nữ công nhân phải phấn đấu về trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, thu nhập, vị trí, vai trò và uy tín đối với doanh nghiệp (Bùi Thị Thanh Hà, 2009). Theo đó, thay đổi vị thế là điều kiện cần thiết để thay đổi cuộc sống của nữ công nhân nhập cư.

Nhìn chung, hầu như những nghiên cứu trên chỉ mới dừng lại ở chiều kích nhận diện sự bất bình đẳng giới trong tiếp cận việc làm, thu nhập cũng như khả năng hưởng dụng các dịch vụ xã hội khác (chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm xã hội, giáo dục,...). Bất bình đẳng giới trong mối quan hệ gia đình công nhân nhập cư cũng chưa được bàn luận nhiều. Bản chất của sự khác biệt giới trong di cư vẫn chưa được nhận diện đầy đủ khi xem xét xuất phát điểm sâu xa của vấn đề định kiến giới. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi tập trung làm rõ việc nữ công nhân nhập cư có thể tận tiện chi tiêu để có được tiền tiết kiệm lo cho cuộc sống kinh tế của gia đình không chỉ đơn thuần vì họ tiết kiệm hơn nam giới mà ẩn phía sau là một hệ thống những giá trị, những chuẩn mực về giới được xã hội mong đợi. Hơn nữa, chính bản thân họ cũng cảm thấy mình có trách nhiệm với những vai trò đó. Bên cạnh đó, chúng tôi sẽ đi sâu phân tích những tác động nào khiến nữ công nhân nhập cư cho rằng họ

phải là người có trách nhiệm đối với đời sống kinh tế của gia đình, hơn là chỉ quan tâm đến các hoạt động chăm sóc gia đình.

Dữ liệu bài viết được lấy từ kết quả của hai đợt khảo sát năm 2011 và 2013 thông qua phương pháp định lượng và định tính. Cụ thể là, phương pháp định lượng được tiến hành trên 800 mẫu tại 4 huyện/thị (Dĩ An, Thuận An, Bến Cát và Tân Uyên) Bình Dương bằng bản hỏi anket. Song song đó, đề tài còn thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu, các cuộc PRA và cả những ghi chép cẩn thận của các điều tra viên trong quá trình quan sát tham dự. Tuy vậy, trong phạm vi bài viết, chúng tôi quan tâm đến phân tích các nguồn dữ liệu định tính được lựa chọn chủ yếu ở cuộc khảo sát năm 2013.

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung làm rõ hai vấn đề: (1) Nhận thức của nữ công nhân về vai trò kép và (2) Tác động của văn hóa đến đời sống của nữ công nhân nhập cư.

## **Động lực xuất cư**

Di cư là một quyết định tổng hòa của nhiều động lực khác nhau ở mỗi cá nhân hay hộ gia đình. Theo Michel Bruneau (2009), có bốn lý do thúc đẩy quá trình luân chuyển và di cư, đó là: quá trình chuyển

đổi nông thôn, đô thị hóa và công nghiệp hóa, chính sách tổ chức lại không gian dân cư và chính sách xuất khẩu lao động. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi khu trú quyết định xuất cư ở hai yếu tố chính là quá trình chuyển đổi nông thôn và dưới tác động của đô thị hóa và công nghiệp hóa. Chuyển đổi nông thôn diễn ra mạnh mẽ qua hai giai đoạn: một là, chính sách Đổi mới năm 1986 bằng việc mở ra kinh tế thị trường; hai là, giai đoạn toàn cầu hóa và đô thị hóa nông thôn những năm 2000. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, năm 2009 sản xuất công nghiệp chiếm đến 14% tổng số việc làm cả nước, tăng gấp đôi so với năm 1999, trong đó, sản xuất công nghiệp tập trung nhiều ở Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng; tỷ lệ đô thị hóa càng cao thì việc làm trong ngành công nghiệp càng nhiều. Cơ hội việc làm từ ngành công nghiệp được tạo ra nhiều, đồng nghĩa là làn sóng di cư đến đô thị càng diễn ra mạnh mẽ hơn khi mà ở nông thôn tình hình thiếu việc làm, dư thừa lao động cũng như thiếu đất sản xuất đang gia tăng.

Mặt khác, sản xuất nông nghiệp hiện nay đang ngày càng khó khăn dưới tác động của biến đổi khí hậu và sự bấp bênh của thị trường giá cả. Thiên tai đang ngày càng nhiều và diễn biến phức tạp với hậu quả khôn lường, sự bạc màu của đất đai gia tăng - dẫn đến thiếu đất sản xuất, cùng với đó là chi phí đầu tư

sản xuất có xu hướng không ngừng tăng. Không chỉ vậy, thị trường các mặt hàng nông sản luôn đối diện với nguy cơ ép giá,... Sản xuất nông nghiệp đang phải đối mặt với nhiều rủi ro vượt ngoài tầm kiểm soát của cá nhân. Từ đó dẫn đến hiện trạng nông nghiệp đang mất dần sức hấp dẫn đối với một bộ phận cư dân nông thôn, đặc biệt là thế hệ thanh niên.

Trong khi đó, với sự ra đời và phát triển của các khu công nghiệp, các đô thị lớn, trong đó có Bình Dương, đang trở thành một điểm đến được nhiều người nhập cư lựa chọn. Gần 20 năm sau khi chính thức tách ra từ tỉnh Sông Bé, Bình Dương đã mạnh mẽ vươn mình trong cuộc cách mạng công nghiệp, biến mảnh đất thuần nông trở thành nơi được nhiều người biết đến với thị trường lao động dồi dào, và đa dạng hóa các dịch vụ. Chính nhờ vào chính sách thông thoáng trong thu hút đầu tư, tỉnh Bình Dương trở thành nơi đầy tiềm năng và hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là các nhà đầu tư lớn mang tầm vóc quốc tế. Sự xuất hiện của các nhà đầu tư tại Bình Dương đã mở ra cơ hội cho hàng trăm ngàn con người về công ăn việc làm. Chính vì thế, chưa bao giờ dòng di dân diễn ra mạnh mẽ và ồ ạt như hiện nay. Không những vậy, sự thu hút một lực lượng dồi dào các lao động nữ đến làm việc tại các khu chế xuất - khu công nghiệp còn do đặc thù của

loại hình công việc (chủ yếu là may mặc, giày da, lắp ráp linh kiện điện tử, mộc,...), với đòi hỏi phù hợp đặc tính của nữ giới (khéo léo, cẩn thận, nhẹ nhàng). Do vậy mà đội ngũ nữ công nhân luôn chiếm tỷ lệ nhiều hơn so với nam công nhân. Những phân tích ở trên cũng trùng khớp với dữ liệu của đề tài nghiên cứu. Theo đó, dữ liệu nghiên cứu gợi mở rằng có rất nhiều lý do để một người phụ nữ quyết định di cư, nhưng bao trùm trên tất cả là sự tác động, chi phối mạnh mẽ của yếu tố kinh tế. Kinh tế là nhân tố chủ đạo thúc đẩy phụ nữ tứ xứ đổ về các đô thị, bước vào đời công nhân mưu sinh trong các khu công nghiệp. Theo dữ liệu nghiên cứu, nữ công nhân xuất cư vì ba lý do sau:

*Thứ nhất, nữ công nhân xuất cư vì điều kiện sản xuất ở quê gặp khó khăn.* Sự khó khăn trong sản xuất nông nghiệp mà nông dân ngày nay gặp phải, đó là: thiếu vốn, thiếu thông tin thị trường, thiếu đất sản xuất,... Chưa kể đến những diễn biến bất thường của vấn nạn biến đổi khí hậu (Việt Nam là nước đứng thứ 6 về chỉ số rủi ro khí hậu giai đoạn 1992-2011 với tổng điểm chỉ số rủi ro dài hạn về biến đổi khí hậu là 21,67 (Harmeling và Eckstein, 2012 dẫn lại theo Liên Hiệp Quốc, 2014)<sup>1</sup> dẫn đến những hiện tượng khắc

---

<sup>1</sup> Dẫn lại theo Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam (3/2014): Di cư, tái định cư và biến đổi khí hậu tại Việt Nam.

nghiệt của thời tiết, khi thì hạn hán, lúc lại bão lũ, lúc khác thì giá rét,... khiến năng suất và sản lượng nông nghiệp luôn bấp bênh. Giữa yếu tố thay đổi môi trường, biến đổi khí hậu và di cư có mối quan hệ với nhau, bởi vì sự khó khăn trong sinh kế do tác động của môi trường đã khiến đời sống của một cá nhân/hộ gia đình trở nên khó khăn. Như lời tâm sự của một nữ công nhân tuổi trung niên quê miền Trung: *“Vào Bình Dương lập nghiệp bởi vì ở quê bị lụt, tháng 2 lụt triều mạn, tháng 4 lụt mãi trên nóc nhà, tháng 7, 8 không có lúa phải lên rừng rú, gạo không có ăn, gạo ngập hết, thúi hết, không có ăn, phải ăn từ củ sắn, khoai rồi cà, sau này thời đại mới họ mới làm nhà, mới có cơm ăn chứ ngày trước làm gì có cơm ăn... Ở quê có gì ăn đâu, thành phố thì kiếm tiền đi mua gạo để chứ ở quê đâu có làm gì đâu.”* (Nữ công nhân T.T.N, 51 tuổi, Nghệ An).

Tuy vậy, mối quan hệ giữa thay đổi môi trường, biến đổi khí hậu và di cư thường bị phức tạp hóa bởi mối quan hệ đa chiều với các yếu tố khác, như: tăng trưởng dân số, đói nghèo, quản trị, an ninh con người và xung đột. Và trong hầu hết trường hợp, yếu tố môi trường và biến đổi khí hậu không phải là động lực duy nhất dẫn đến quyết định di cư (UN Việt Nam, 2014). Do đó, khi xem xét động lực di cư của một cá nhân không thể tách rời yếu tố môi trường ra khỏi các động lực về kinh tế, động lực xã hội, đặc điểm cá

nhân,... Bởi vì, không chỉ người dân miền Trung mới gặp khó khăn trong sản xuất nông nghiệp do một phần chịu tác động từ yếu tố môi trường, mà ngay cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long vốn được mọi người biết đến là trù phú, nhưng sinh kế của người dân cũng gặp phải nhiều gian nan, nhất là vấn đề thiếu đất sản xuất, đưa đến hệ quả thiếu việc làm ở một bộ phận cư dân nông thôn:

*“Nhà tôi ở dưới quê cũng không có đất đai gì hết tron đó, khổ lắm, gia đình cha mẹ sinh ra thì nó đã nghèo sẵn rồi. Nên chỉ kiếm sống bằng cách đi làm mướn, mà ở dưới quê một năm 12 tháng mình chỉ làm có một tháng, những tháng sau không có việc gì làm, mình ăn hết thì mình đâu có dư được đâu, không đủ ăn rồi nợ nần này kia nợ mình không có thể đủ trả được cho người ta. Cho nên mình đi lên đây làm.”* (Nữ công nhân N.T.L - 36 tuổi, Cần Thơ).

*“Ở dưới quê việc làm khó khăn lắm, việc làm thì cũng có mà tiền của mình ít lắm, không bao nhiêu. Không có đủ xoay sở gia đình, làm thì đủ ăn đủ xài thôi chứ tiền dư thì không có dư, ví dụ một ngày làm được hai trăm hay một trăm ngoài gì đó cái mua đường, bột ngọt, gạo thóc này kia ăn hai ba ngày là hết rồi cái mắc đi mần thêm. Mà ở dưới làm nói chung việc làm cũng khó lắm, ít có việc làm lắm! tại người ta trông rẫy trông ruộng không à, lâu lâu người ta mới mướn mình đi xịt một bình hai bình thuốc, mần có một ngày hai ngày là nghỉ rồi, tại cỏ đâu có mọc hoài đâu!*



*Mọc lên nhổ hết rồi thôi.*" (Nữ công nhân N.T.M.C - 27 tuổi, An Giang).

Thực vậy, tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn so với thành thị có một khoảng cách rất lớn. Theo Báo cáo điều tra lao động việc làm Quý 3/2014 của Tổng cục Thống kê: Quý 3/2013, tại thành thị có 199,5 nghìn người thiếu việc làm, trong khi ở nông thôn số người thiếu việc làm cao hơn rất nhiều, với 1.121,5 nghìn người; thời điểm quý 3/2014, tỷ lệ thiếu việc làm ở thành thị đã giảm xuống còn 167,2 nghìn người, tỷ lệ người lao động thiếu việc làm ở nông thôn cũng giảm xuống là 994,7 nghìn người, nhưng vẫn chênh lệch rất lớn so với khu vực thành thị. Tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn là hệ quả của nhiều nguyên nhân, như: đất đai nông nghiệp bị thu hẹp do chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho công nghiệp và đô thị hóa, tình trạng thiếu vốn, thiếu thông tin thị trường,... Những hệ quả đó đã dẫn đến tình trạng chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp ở một bộ phận lao động nông thôn, điều này được thể hiện rõ trong các số liệu thống kê về tỷ lệ lao động nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản đã giảm hẳn từ 62,2% năm 2000 còn 46,9% vào năm 2013. Mặc dù được nhận định là có sự chuyển dịch mạnh mẽ nhưng lực lượng lao động trong nông nghiệp vẫn đang chiếm rất lớn, trong khi các nguồn lực khác cho sản xuất nông nghiệp lại hạn

chế: đất đai, vốn, khoa học công nghệ... Điều này dẫn đến tình trạng dư thừa lao động ở nông thôn. Những rủi ro trong sản xuất nông nghiệp đã đẩy người nông dân rơi vào tình thế phải tìm kiếm một phương kế sinh nhai khác nhằm duy trì và phát triển gia đình. Cùng với đó là những mời mọc hấp dẫn ở đô thị về một công việc nhàn nhã hơn, có thu nhập hàng tháng, đảm bảo được đời sống cơ bản, mở ra thêm nhiều cơ hội cho người nông dân. Những lý do đó đã đưa đến lựa chọn di cư như là một chiến lược sống của người nông dân hiện đại. Để thực hiện chiến lược sống này, bất kể ai (nam hay nữ, độc thân hay đã lập gia đình...) cũng đều là ứng viên thích hợp, kể cả những đứa trẻ chưa đủ tuổi lao động cũng bị cuốn vào dòng người lũ lượt đổ về đô thị, đến làm việc bất hợp pháp ở một số cơ sở tư nhân vừa và nhỏ. Do đó, kinh tế là nhân tố chính yếu thúc đẩy cá nhân/hộ gia đình di cư đến các đô thị với mong muốn kiếm thu nhập cao hơn so với ở quê (Lê Bạch Dương và Nguyễn Thanh Liêm, 2011). Sự bứt phá ra khỏi làng quê, dẫn thân vào đời sống đô thị để kiến tạo kinh tế, giúp cho vị thế của người phụ nữ phần nào được nâng cao hơn trong con mắt của gia đình - dòng họ nói riêng và xã hội nói chung.

*Thứ hai, gia cảnh khó khăn (con cái đang tuổi ăn học hoặc cha mẹ già) cũng là động lực xuất cư ở nhóm nữ công*

*nhân*. Gia cảnh khó khăn có mối liên quan chặt chẽ yếu tố kinh tế. Nữ công nhân cảm thấy bản thân phải có trách nhiệm với chính gia đình của mình, trách nhiệm đó đòi buộc họ phải làm sao để có thể đảm bảo được cuộc sống tối thiểu cho hộ gia đình, dù họ đang độc thân hay đã lập gia đình. Lời tâm sự của một nữ công nhân gợi lên hình ảnh của một người con hiếu thảo với cha mẹ già nơi quê nhà: “Chị sống ở đây khổ lắm em, ở quê nhà không có việc gì làm, ba mẹ thì già yếu nên chị phải lên Bình Dương kiếm việc làm, nhưng chị lại không biết chữ nên càng khó khăn hơn khi đi xin việc, nhờ bạn bè chị mới xin được việc ở công ty may mặc nhưng lương thấp quá. Phần thì tiền ăn, phần phải gửi tiền về lo cho gia đình nên không có khá giả gì cả”. (N.T.N - 24 tuổi - trích nhật ký điền dã).

Gia đình là động lực thôi thúc chị N quyết định di cư, dấu rào cản lớn nhất của chị là không biết chữ. Nhưng vì lo cho cha mẹ già, chị mạnh dạn bước ra khỏi nỗi lo sợ ấy để đến đô thị tìm kiếm công việc, gửi tiền về quê phụ giúp cho cha mẹ già. Nhờ vào mạng lưới bạn bè, chị đã kiếm được công việc ở một công ty may mặc, tuy vậy, do không biết chữ nên chị đành chấp nhận làm việc với mức lương thấp. Tất cả chỉ vì mục đích cao nhất là nuôi sống bản thân và có tiền lo cho cha mẹ già. Hành vi của nữ công nhân N là kết quả của sự hấp thu một nền văn hóa Nho giáo trong

suốt quá trình xã hội hóa của một con người. Nơi đó, đạo làm người được đề cao, cụ thể ở đây là đạo hiếu.

Hay như trường hợp của nữ công nhân D (18 tuổi, Kiên Giang), do nặng gánh trách nhiệm với gia đình nên D đã sớm bước vào đời công nhân ở tuổi 15. Vì chưa đến tuổi lao động nên D gặp khó khăn trong vấn đề xin việc làm, nhưng nhờ sự trợ giúp của anh chị cùng quê có mối quan hệ với quản lý, nên lúc đến Bình Dương xin việc, em được bỏ qua giai đoạn kiểm tra hồ sơ. Còn K - em trai của D - năm nay mới 14 tuổi, nên phải tìm công việc ở công ty may tư nhân, vì những công ty này không quan tâm đến độ tuổi của người lao động. Theo như lời kể của D thì tiền hai chị em làm được đều tích góp gửi về quê cho cha mẹ. Trung bình mỗi tháng hai chị em kiếm được 10.000.0000 đồng, ngoài việc chi trả tiền phòng trọ, tiền ăn uống sinh hoạt của hai chị em, tất cả còn lại đều gửi về quê cho cha mẹ chi tiêu ở nhà. Hỏi có tiết kiệm riêng cho mình không thì D nói: *"Hai chị em nay chưa có làm gì nên có để dành tiền lại làm gì đâu, ở quê bố mẹ khó khăn hơn nên gửi về nhà trước, nếu có tiết kiệm thì ít tháng mình mới giữ lại 1.000.000 - 2.000.000 đồng gì đó mua sắm gì thêm thôi chứ cũng không có gì cần lắm"*. (N.T.D - 18 tuổi - trích nhật ký điền dã).

Hình ảnh người con gái bươn chải nơi đô thị để có tiền phụ giúp cho cha mẹ già ở quê cũng là hoàn

cảnh của nữ công nhân L.T.U (23 tuổi, quê An Giang). Thương cảm cho tình cảnh khó khăn của cha mẹ, chị U chủ động xin nghỉ học, nhưng do chưa đủ tuổi để làm công nhân, đành xin phụ việc ở một căng tin, rồi sau đó chuyển qua làm giữ trẻ cho người anh để có tiền phụ giúp cho ba mẹ. Đến khi đủ 15 tuổi, chị U bước vào đời công nhân. Và trong suốt cuộc trò chuyện, chị luôn nhắc đến cha mẹ già ở quê và cho rằng mình phải có trách nhiệm với họ. Kể về hành trình di cư và lập nghiệp ở đô thị, chị U bồi hồi nhớ lại:

*Lúc đó 13 tuổi em đi học đó thì cũng khó khăn lắm, gia đình em khó khăn lắm. Đi học thiếu thốn này kia rồi em thấy ba mẹ em làm cực khổ, em mới xin ba mẹ em là không đi học nữa để làm giúp gia đình như lúc năm 13 tuổi thì lúc đó em qua thành phố làm, quận 7, hồi đó là tuổi nhỏ đâu có làm gì được đâu. Ban đầu đi bán phụ căng tin cho người ta. Rồi đến khi em được 14 tuổi, thì em đi giữ em này nọ cho người ta kiếm tiền đưa cho ba mẹ. Nói tóm lại là đời sống của em lúc nhỏ không sung sướng gì hết. Nhà em có năm người, nhưng mà lấy chồng lấy vợ hết, họ lo cuộc sống của họ không à, không có lo cho ba mẹ em, bây giờ thì em phải lo, em là con út. Năm 15 tuổi là em vô công ty làm luôn. Xin người ta, năn nỉ người ta quá trời luôn người ta mới dám dắt dõ, lúc đó ham đi làm lắm. Vì em thấy gia đình em khổ, rồi ba em đi làm mướn ở dưới quê, già rồi đâu có vác lúa nổi, đâu có làm bốc xếp gì nổi đâu, rồi giờ em lớn em*

*phải làm giúp gia đình cho ba em đỡ khổ. (L.T.U - 23 tuổi - trích BBPVS).*

Con cái cũng là động lực thúc đẩy nữ công nhân N.T.T (quê Thanh Hóa) lặn lội vào Bình Dương làm công nhân để có tiền gửi về quê lo cho con cái:

*Chị đã có gia đình và ba đứa con. Đứa lớn đang làm công nhân ở Sài Gòn, hai đứa nhỏ đang học cấp 3, chồng chị ở quê (Thanh Hóa). Chị nói: "Vì cuộc sống phải nuôi hai đứa nhỏ ăn học nên chị vào đây làm công nhân để có tiền gửi về quê cho con." (N.T.T - 36 tuổi - trích nhật ký điền dã).*

Bốn nữ công nhân - mỗi người là một phận đời khác nhau, nhưng họ đều có chung một đặc tính là sự hy sinh, trách nhiệm cao với gia đình. Hy sinh vì cha mẹ, vì chồng con dường như quá đỗi quen thuộc và mặc nhiên gắn liền với người phụ nữ Việt Nam. Không những thế, đức tính hy sinh của người phụ nữ còn được ca tụng là một vẻ đẹp cao cả qua nhiều thế hệ. Những chuẩn mực của Nho giáo cho rằng "tam tòng" và "tứ đức" của người phụ nữ là đáng được ca ngợi, tôn vinh. Sự ảnh hưởng của văn hóa đã cột chặt người phụ nữ vào những khuôn mẫu chuẩn mực do xã hội quy định. Cho đến nay, những tư tưởng ấy vẫn tồn tại đậm nét không chỉ trong nhận thức của cộng đồng mà chính bản thân người phụ nữ cũng tự đồng hóa và mặc định rằng phụ giúp gia đình chính

là trách nhiệm của mình. Do vậy, nữ giới tự nguyện tham gia vào quá trình lao động sản xuất, phụ giúp kinh tế với gia đình, kể cả việc chấp nhận xa quê đến một nơi xa lạ. Động lực gia đình thôi thúc họ vượt lên trên cả những rào cản tại nơi họ di cư đến.

*Thứ ba, di cư vì mưu cầu một cuộc sống tốt đẹp hơn.* Dẫu biết rằng kinh tế là yếu tố quyết định chính quá trình di cư của nữ công nhân, nhưng đằng sau kinh tế còn phảng phất mong ước về một tương lai tươi sáng hơn. Đó là điểm nhấn tích cực về tư duy của nữ giới trong xã hội hiện nay. Bởi vì, họ ý thức được rằng, cuộc sống đô thị dù vất vả, khó khăn nhưng bù lại cuộc sống đó lại giúp con người học hỏi được nhiều thứ, tiếp cận được nhiều cái mới, hiện đại hơn so với cuộc sống ở quê nhà. Không chỉ vậy, đô thị còn giúp họ tìm kiếm công việc và có thu nhập dễ dàng hơn so với điều kiện kinh tế eo hẹp ở quê. Nên dù khoác chiếc áo công nhân nhưng họ vẫn cảm thấy an vui so với cuộc sống chật vật, thiếu thốn trước huyệt sau ở quê nhà: “Ở Kiên Giang chị không có đất để làm, chỉ quanh năm suốt tháng đi làm thuê, nhưng mà lại không đủ ăn em à, lên đây thì công việc tuy lương chỉ có 3.000.000 đồng một tháng thôi, nhưng nó ổn định em à. (T.T.L - 27 tuổi, trích nhật ký điền dã).

Hay như trường hợp của nữ công nhân V.T.T, 28 tuổi, quê Hà Tĩnh, đã rất vượt khó khi lấy cuộc

sống công nhân làm bệ đỡ để tiến thân lên trên con đường học vấn với mong ước có được một cuộc sống tốt hơn:

*“Tôi muốn đi học mà lúc đầu mới vào (Bình Dương) tôi chưa có điều kiện, chưa có tiền. Sau tôi đi làm công nhân, rồi tôi có một số tiền, tôi muốn công việc của mình đỡ vất vả hơn nên tôi muốn đi học, cũng do gia đình và anh tôi là động lực để tôi đi học. Khi đó tôi ao ước được học lắm, nhưng mà do tôi nghĩ nếu đi học thì bố mẹ không có tiền, hỏi đó anh tôi cũng đậu đại học nữa đấy, rồi tôi tự nhủ, thôi đi làm đi để số tiền đó cho anh tôi học, tôi chỉ nghĩ vậy thôi. Sau đó đi làm công nhân được hai năm lúc đầu tôi gửi tiền lo cho anh học, sau tôi tiết kiệm được một năm rồi thi lớp Kế toán của trường ĐH Bình Dương... Phải cố gắng học để mai này mình có công việc làm khỏe hơn, làm không phải lo lắng về sức khỏe của mình, công việc nhẹ nhàng hơn.”* (Nữ công nhân V.T.T, trích BBPVS).

Tâm tư của hai nữ công nhân trên cũng là đồng suy nghĩ của một bộ phận nữ công nhân khác, xuất phát từ hiện trạng phân hóa quá lớn về kinh tế - văn hóa - xã hội giữa nông thôn và thành thị. Dịch vụ ở nông thôn ít ỏi về mọi mặt, bó hẹp nhu cầu thăng tiến về mặt xã hội lẫn tri thức của cá nhân. Ngược lại, đô thị lại là nơi tập trung hết sức đa dạng các loại hình dịch vụ, đáp ứng được nhu cầu của các tầng lớp dân cư; mở mang cho con người nhiều cơ hội lựa



chọn khi tiếp cận dịch vụ. Nhờ đó, cuộc sống đô thị giúp cá nhân thăng tiến hơn.

Từ những nhận định trên có thể thấy rằng sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị đã đẩy một bộ phận nữ giới di cư đến các thành phố lớn. Trong khi đời sống nông thôn đang ngày càng trở nên khó khăn trong việc tạo ra thu nhập thì tại các đô thị, một lượng lớn các đầu việc đa dạng được tạo ra bởi các khu công nghiệp đã trở thành lực hút mạnh mẽ lao động khắp nơi đổ về. Di cư vì lý do kinh tế, nhưng điều đó cũng góp phần thúc đẩy vị thế của người phụ nữ bước qua một trang mới, không chỉ vậy, vai trò kép cũng đòi hỏi ở người phụ nữ sự hy sinh nhiều hơn. Liệu rằng, nữ công nhân có đang cảm thấy quá áp lực về vai trò kép mà họ đang gánh trên vai?

### **Nữ công nhân nhập cư và nhận thức về vai trò kép**

Đô thị hóa đã góp phần thúc đẩy cho tiến trình bình đẳng giới khi giúp người phụ nữ dần khẳng định được vị thế của mình trong lao động sản xuất. Nhưng điều đó không có nghĩa là định kiến giới hết đè nặng trên vai người phụ nữ. Những định kiến về giới đã ăn sâu vào tâm thức của bao thế hệ phụ nữ và cho đến nay, những tâm thức ấy vẫn đang thể hiện rõ trong ứng xử của người phụ nữ, kể cả việc

người phụ nữ tự nhận thấy bản thân họ phải có trách nhiệm chu toàn cả hai vai trò. Điều này được thể hiện rõ trong động lực xuất cư của người nữ công nhân và động lực này như là một kim chỉ nam luôn hướng cá nhân vươn đến mục tiêu đã hoạch định. Để thực hiện mục tiêu, mỗi cá nhân lựa chọn cho mình một kế hoạch hành động riêng, nhưng trong cái riêng đó, lại nêu bật được điểm chung mà nữ công nhân nhập cư hướng đến - chấp nhận làm việc nhiều giờ, hạn chế chi tiêu, gia tăng tích lũy.

Khi nói đến công việc đang làm, nhiều nữ công nhân cảm thấy chưa tương xứng với công sức họ bỏ ra, song họ cũng cho biết đời sống công nhân giúp họ tạo ra thu nhập dễ dàng hơn so với cuộc sống ở nông thôn. Do đó, họ vẫn cố gắng để bám trụ với công việc, dù có phải đối diện với nhiều rủi ro như: không được doanh nghiệp đóng bảo hiểm đầy đủ, bị cán bộ quản lý cư xử thiếu tôn trọng, ảnh hưởng sức khỏe do làm việc nhiều giờ, bệnh nghề nghiệp và bữa ăn kém chất lượng ở doanh nghiệp,... Những bộn bề của chị N.T.C cho thấy các áp lực mà người công nhân đang phải đối mặt hàng ngày:

*“Đi làm đó em, mệt lắm, hết chữ rồi lại mắng, em cứ tưởng tượng mình ở trong cái nhà tù vậy đó, làm việc rồi làm việc, không ai được hó hé ý kiến ý cò gì, mở miệng là sáng hôm sau thôi rồi, tổ trưởng, giám đốc gì lôi đầu ra*

*chửi cho biết, chửi ở đây là mắng nhiếc, xúc phạm luôn kìa, kinh dị lắm, chửi tới cái gì luôn đó chứ. Có lần có anh kia làm chung với chị bị tát một cái quay vòng vòng ngồi bẹp xuống đất luôn mà. Ở trong công ty chị không khác cái nhà tù mà, sáng vô rồi chiều ra, ai có công việc gì cũng không chắc được ra ngoài, bảo vệ nó khó lắm, ra ngoài thì phải xin mỗi miệng nó còn không cho ra, nó làm khó mình này nọ dữ lắm em. Bữa ăn thì ăn cho có, cho no vậy chứ trong thịt gà mà có dòi là em hiểu rồi đó, mình mà có ý kiến thì nó càng làm khó làm dễ mình". (Nữ công nhân N.T.C - trích nhật ký điền dã tháng 12/2013).*

Những bức xúc của nữ công nhân L.T.D (29 tuổi, quê Thanh Hóa) cũng làm rõ thêm về những phức tạp trong mối quan hệ với các đồng nghiệp, tạo thêm những mệt mỏi, căng thẳng nơi làm việc:

*"Em biết không, đi làm thì công nhân làm trong chuyên với nhau mà cứ lẩn áp nhau không à, mà hình như cũng không thích nhau nên mới ghen ghét nhau, mà những người trong công ty cũng chẳng biết quan tâm nhau nữa, mặc ai nấy sống, cứ nạnh việc cho nhau, còn những người làm cùng chuyên thì kỳ cục lắm, nói xấu nhau làm gì có lợi ích gì đâu". (nữ công nhân L.T.D - trích nhật ký điền dã tháng 12/2013).*

Thông tin từ cuộc trò chuyện trên cho thấy mặc dù là lao động phổ thông, nhưng không riêng gì nam giới, nữ công nhân cũng đang đối diện hàng ngày

với nhiều áp lực từ công việc nếu họ muốn tồn tại ở môi trường công nghiệp. Những áp lực này có thể đẩy nữ công nhân đến chỗ mất việc làm. Mặc dù vậy, vì đồng tiền, họ cố gắng chấp nhận, thậm chí không dám lên tiếng để bảo vệ quyền lợi mà họ đáng được hưởng theo pháp luật. Mệt mỏi, áp lực là thế nhưng với những nữ công nhân đã lập gia đình thì sau giờ tan ca, khi về với gia đình, họ vẫn phải làm tròn trách nhiệm của một người vợ/người mẹ trong gia đình. Bức tranh đời sống sinh hoạt thường ngày của gia đình công nhân nhập cư hiện hiển rõ nét qua mô tả của điều tra viên:

*“Phòng tôi tiếp cận đầu tiên là một gia đình trẻ, mới có một bé gái chừng hai, ba tuổi đang ngồi ì trong cái bô ngay bên cửa ra vào. Trong phòng gồm có tivi, tủ lạnh, một cái giường gỗ khá là chắc chắn và một cái tủ để quần áo. Tôi gặp chị H, lúc này chị đang ra trước phòng lấy quần áo khô vào nhà cất, trên người chị vẫn đang mặc quần áo của công ty. Chị chuyển tôi qua anh K - chồng chị, đang ngồi xem tivi trong nhà khi tôi nhờ giúp đỡ, vì chị đang nấu ăn”* (Trích nhật ký điền dã, tháng 12/2013). Bức tranh gia đình công nhân trẻ này cho thấy sự phân công công việc trong gia đình vẫn chịu ảnh hưởng bởi yếu tố giới. Phụ nữ vẫn là người đóng vai trò chính, tất bật trong công việc nhà và chăm sóc con cái, cho dù họ cũng tham gia vào lao động sản xuất. Ngược lại, nam

giới lại được thoải mái, rảnh rỗi hơn sau giờ tan ca. Định kiến giới vẫn tồn tại bền chặt cho dù bối cảnh xã hội đã có nhiều thay đổi.

Như vậy, quá trình di động ngang - chuyển đổi nghề nghiệp của nữ công nhân vẫn mang đậm màu sắc định kiến giới. Họ vẫn tận tụy hy sinh cho gia đình và tin rằng đó là trách nhiệm của đạo làm con đối với cha mẹ, trách nhiệm của người vợ đối với chồng và trách nhiệm của người mẹ đối với con cái. Họ là những nữ công nhân xuất thân từ các vùng nông thôn khác nhau, đến Bình Dương với ước vọng lớn nhất là kiếm tiền. Để hiện thực hóa mục tiêu đó, những phụ nữ nhập cư này bước vào nhà xưởng để sống đời công nhân đô thị. Nhưng cuộc sống nhập cư đô thị cũng buộc họ phải chi tiêu nhiều thứ cho sinh hoạt hàng ngày, như: nhà ở, điện, nước, ăn uống, đi lại, giao thiệp bạn bè,... trong khi ở quê, mức chi trả cho những nhu cầu này ít hơn rất nhiều. Do vậy, để đạt được mục đích tích lũy tiền, lo cho gia đình, tất yếu phải là cố gắng tiết kiệm các khoản chi tiêu hàng ngày, hạn chế chi tiêu cho các hoạt động không cần thiết (vui chơi, giải trí, mua sắm). Đó là cả một hành động cân nhắc đong đếm dựa trên những thứ mà họ cho là có giá trị - kiếm tiền và gia đình. Có lẽ cũng vì giá trị này, nên hầu như cuộc sống hàng ngày của nữ công nhân nhập cư thể hiện rất rõ trong các hoạt

động sống, điển hình là họ rất ít khi sắm sửa đồ dùng trong phòng trọ, chứ không đơn thuần là vì lý do cuộc sống ở trọ vốn tạm bợ nên không mua sắm vật dụng gì. Lời giải đáp rõ ràng nhất là khi chúng tôi có dịp quan sát nơi ở của các nữ công nhân nhập cư. Đó là không gian với những đặc điểm tương đồng được ghi chép trong các nhật ký điền dã như sau:

*“Xung quanh gian ở của chị Đ.T.T.A không có vật dụng nhiều, chỉ một số đồ dùng như là quạt máy, thậm chí cũng không có bàn ghế, có cái bếp ga mini để tiện cho việc nấu nướng. Khi chuẩn bị ra khỏi phòng thì chị có nói với tôi “làm công nhân cực lắm em à, chị cũng không muốn thế này đâu, nhưng vì cuộc sống khó khăn quá nên phải chấp nhận thôi”.* (Nữ công nhân Đ.T.T.A - Trích nhật ký điền dã).

*“Tôi bước vào phòng, một căn phòng đơn sơ, tôi không ngờ đến ngoài vài cái chén, nồi cơm điện và cây chổi quét nhà và mấy bộ đồ trong một căn phòng rộng 17m<sup>2</sup> trên gác chỉ trống không, tôi cứ nghĩ chị mới chuyển đến đây ở nhưng không phải, chị đã ở đây 9 năm. Ở 9 năm nhưng trong phòng chị không hề có một vật gì có giá trị ngoài chiếc xe đạp đủ cho thấy cuộc sống của chị khổ sở như thế nào.* (Nữ công nhân N.T.N - trích nhật ký điền dã).

Không gian ở của hai nữ công nhân trên giúp lý giải tại sao nữ công nhân cam tâm, chấp nhận cuộc sống thiếu thốn tiện nghi trong các phòng trọ, để đạt được mục đích ban đầu mà cũng là động lực đẩy

họ đến đô thị - có tiền tiết kiệm. Dường như đối với những nữ công nhân này, phục vụ cho những nhu cầu riêng tư của bản thân không phải là điều quan trọng với họ, lúc này gia đình là ưu tiên hàng đầu. Vậy nên, mọi nguồn lực của họ đều dồn vào mục đích tiết kiệm tiền.

Không chỉ là hạn chế mua sắm các trang thiết bị cho phòng ở, tiết kiệm ăn uống - nhu cầu tối quan trọng của một con người cũng là cách thức mà nữ công nhân lựa chọn để có thêm tiền tiết kiệm. Lời sẻ chia của những nữ công nhân dưới đây gợi lên sự cảm thông cho thân phận của người phụ nữ, dù là ở thời đại nào cốt cách chịu thương chịu khó, thậm chí là hy sinh quên cả bản thân vẫn gắn liền với họ. Chị Đ.T.T.A nói:

*“Vất vả lắm em à, đi làm cứ mỗi tháng lãnh 3.000.000 đồng là phải trích 2.000.000 đồng về quê cho ba mẹ và em út, cuộc sống ngoài quê nó khó khăn lắm, không được có việc làm như trong này, còn 1.000.000 đồng thì chị cố gắng sống cho qua bữa ăn, phòng thuốc men nữa”. Chị còn kể thêm: “Em biết không, có tháng chị ăn toàn mì gói, để gửi tiền hết về cho ba chữa bệnh”, chị nói đến đây tôi thấy nghẹn ngào cho cuộc sống khó khăn của chị, đồng cảm hơn cho chị”. (Nữ công nhân Đ.T.T.A - Trích nhật ký điền dã)*

Chị T.T.L (27 tuổi) bày tỏ: *“... Những khi mà hụt tiền thì lấy tiền đâu cho con uống sữa, sữa bây giờ mắc lắm, sữa*

*Diealac đã là 400.000 đến 600.000 đồng rồi, phải hy sinh cho con thôi, nhịn ăn". Tôi hỏi thêm chị: "Nếu như mà chị nhịn ăn như vậy thì chị có chịu nổi không, có ảnh hưởng gì đến sức khoẻ không?". Chị nói: "Có chứ em, chị hay bị đau bao tử, suy nhược, có lúc làm về không dám nói chồng vì sợ anh ấy hao tâm và lo cho mình, nhưng mà cũng quen rồi em, chị làm một tháng chỉ được 2.900.000 đồng mà thôi, cộng thêm tiền phụ cấp chỉ có 200.000 đồng". Tôi hỏi tiếp: "Sao chị không để chồng biết mà chăm sóc chị" thì chị nói: "anh ấy khổ nhiều với tôi rồi, tôi thương anh lắm, nên thôi, làm vợ thì chỉ biết phận làm vợ thôi". Chị nói đến đây khiến tôi thấy thật bất ngờ, trước giờ tôi chưa gặp gia đình trẻ nào như gia đình trẻ này". (Nữ công nhân T.T.L - trích nhật ký điền dã).*

Mỗi cá nhân có quyền được tự do lựa chọn cho mình một lối sống, được quyền thụ hưởng những nhu cầu cá nhân dựa trên những đồng tiền mà họ có thể làm ra. Thế nhưng, những điều đó đối với nữ công nhân có lẽ là xa xỉ, khi cuộc sống của họ có quá nhiều thứ mà tự họ cho rằng đó là trách nhiệm của họ phải chu toàn. Đó là trách nhiệm của một người làm con với cha mẹ, trách nhiệm của một người vợ với chồng, trách nhiệm của một người mẹ với con cái. Vì lẽ đó, họ đánh đổi những nhu cầu riêng của bản thân để lo cho gia đình, có khi là âm thầm chịu đựng một mình không hề than trách. Đáp lại, họ chỉ



cần sự ấm êm của gia đình. Cũng vì mục đích tiết kiệm tiền để chăm lo cho gia đình, nên hầu như nữ công nhân cố gắng chất bóp các sinh hoạt phí, hạn chế đến chi tiêu những chi phí mà họ cho rằng không thật sự cần thiết, chẳng hạn như các chi phí đáp ứng cho đời sống văn hóa tinh thần: đi chơi với bạn bè, đi café, đi karaoke,... Đây cũng là minh chứng lý giải cho thực trạng đời sống văn hóa - tinh thần nghèo nàn của công nhân nói chung và nữ công nhân nói riêng, khi phần lớn đời sống văn hóa tinh thần của họ xoay quanh các hoạt động mang tính hưởng nội (nghỉ ngơi, ngủ, nói chuyện với bạn bè trong xóm trọ, nói chuyện với người thân,...).

Không những vậy, nữ công nhân nhập cư còn canh cánh những hy sinh thầm lặng khác mà họ chấp nhận gánh chịu (trì hoãn/không kết hôn) như chia sẻ của chị N (25 tuổi):

*“Chị như thế này (nghèo) ai mà chịu lấy (cưới) chị hả em? nhà thì nghèo mà chị còn phải lo cho ba mẹ, có ai chịu lo cho ba mẹ đâu mà lấy (cưới).”* (Nữ công nhân N.T.N - trích nhật ký điền dã).

Như vậy, một ngăn trở đã và đang diễn ra trong hành trình xác lập vị thế của nữ công nhân nhập cư, đó là mặc dù cuộc sống hiện tại của họ đã thoát ly khỏi gia đình, nhưng nhận thức của họ vẫn còn tồn tại những định kiến giới. Bản thân họ vẫn xem việc

giúp đỡ, tận tâm với gia đình như là bổn phận của riêng mình, chính vì vậy mà họ ra sức bươn chải, chấp nhận những rủi ro trong công việc, gác lại những nhu cầu cá nhân để dồn mọi nguồn lực chu toàn cho gia đình. Dù ở vị trí nào, tâm thức của nữ công nhân vẫn là sự hy sinh, cam chịu, luôn sống vì người khác. Điều gì đã khiến người phụ nữ ứng xử như vậy nếu không phải là sự ăn sâu của một nền Nho giáo được truyền đạt một cách chính thống trong gia đình từ thế hệ này qua thế hệ khác?

### **Văn hóa, giới và trách nhiệm**

Văn hóa Á Đông - nơi bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi học thuyết Nho giáo, trải qua nhiều biến chuyển của đời sống xã hội, những giá trị đó vẫn tồn tại khá chặt chẽ trong xã hội đương đại. Điểm nổi bật nhất của Nho giáo mà kéo theo cả một hệ thống các lối hành xử giữa con người - con người đó chính là đặt vị trí của nam giới ở thế thượng tôn, trong khi nữ giới chỉ đáng đặt để ở vị thế thấp kém: “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, “nữ nhi ngoại tộc”. Do đó, Nho giáo cho rằng phục vụ vô điều kiện cho nam giới là chức năng, nhiệm vụ, thiên chức của phụ nữ (Lê Thị Quý, 2009). Không chỉ vậy, phụ nữ còn bị gấn vào những khuôn mẫu được gọi dưới cái tên mỹ miều là tam tòng (tại

gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử) và tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh). Đây được xem là hình mẫu lý tưởng mà phụ nữ phải hướng đến dù họ xuất thân từ hoàn cảnh nào. Thuyết tam tòng và tứ đức khiến cho người phụ nữ bị xem thường và áp bức bởi nam giới, không chỉ vậy còn tạo nên tiêu cực trong suy nghĩ và hành động của người phụ nữ. Sự lệ thuộc của phụ nữ vào nam giới, tạo ra ở người phụ nữ tâm lý thụ động, an phận thủ thường. Họ lao động vất vả, chăm lo vun vén gia đình, chăm sóc con cái, để chồng có thời gian nghỉ ngơi mà không một lời kêu ca vì họ chấp nhận phận đàn bà là thế (Nguyễn Thị Vân, 2014). Bao đời nay phụ nữ vẫn được giáo dục và sống trong môi trường đòi hỏi họ phải vươn đến hình tượng sùng sảng mà Nho giáo đã tạc nên. Cuộc đời của người phụ nữ bị định khung trong các khuôn mẫu đó và gia đình chính là nơi góp phần truyền sinh cho nét văn hóa này mãi tồn tại cho đến tận ngày nay. Hơn nữa, chúng ta đang chịu ảnh hưởng bởi chế độ phụ quyền - củng cố cho vai trò của người đàn ông trong gia đình và xã hội. Do vậy, những nhân tố đó đã ăn sâu vào tiềm thức của người phụ nữ đến nỗi họ không nhận ra mình đang là hiện thân sống động của một nền văn hóa trọng nam khinh nữ.

Quan điểm Nho giáo về giới cùng với chế độ phụ hệ đã góp phần củng cố bền chặt vai trò của người

phụ nữ với tư cách là người vợ - người mẹ trong gia đình. Chính điều đó khiến cho những người phụ nữ thường tận tụy vì gia đình, gia đình luôn được đề cao. Dấu hiện nay người phụ nữ đã chủ động tham gia vào lao động sản xuất, tự tạo ra thu nhập, nhưng không vì thế mà họ thoát ly được khuôn mẫu mà xã hội đặt để cho họ. Không những thế, họ vừa phải làm tốt công việc ngoài xã hội, vừa đảm trách vai trò của người con - người vợ - người mẹ trong gia đình. Với vai trò là người con thì phải có trách nhiệm với cha mẹ, nhất là khi cha mẹ già yếu. Với vai trò người vợ - người mẹ phải lo lắng chăm chút cho cuộc sống của chồng của con. Sở thích và nhu cầu của riêng mình phải gác lại, không nghĩ đến. Thậm chí niềm vui của cha mẹ, niềm vui của chồng con cũng là niềm vui của họ. Vì vậy, văn hóa Nho giáo cũng là cơ sở thôi thúc nữ giới di cư đến Bình Dương tham gia vào thị trường lao động công nghiệp nhằm tìm kiếm sự bảo đảm kinh tế cho gia đình, bất kể là nữ công nhân độc thân hay đã lập gia đình. Họ mặc lấy những tư tưởng ấy với ý nghĩ đó chính là bổn phận, là trách nhiệm của họ và quên mất rằng, sự hy sinh quá nhiều, thậm chí quên cả bản thân, là sự bất công bằng đối với mình. Họ còn nhận thấy rằng, bản thân họ hy sinh nhưng miễn sao những người thân của họ được hạnh phúc là điều họ mong mỏi nhất. Thực tế, cuộc sống hiện tại của nữ

công nhân nhập cư thể hiện rõ ràng những nhu cầu của bản thân nhường chỗ cho những lo toan để có tiền tiết kiệm gửi về quê nhà hay để quán xuyến chi tiêu cho gia đình: những căn phòng trọ đơn sơ chỉ có những vật dụng thật cần thiết; những hoạt động văn hóa - tinh thần có tính chất tốn kém (đi cà phê, sinh nhật,...) cũng phải hạn chế tối đa; những phương tiện đi lại tốn kém được thay thế bằng xe đạp hoặc chuyển nhà trọ gần công ty để có thể tiết kiệm chi phí đi lại. Điều đó chứng tỏ, nữ công nhân nhập cư đang sống vì người khác hơn là sống cho chính mình, trong khi họ cũng là một con người đúng nghĩa, họ có quyền được sống với nhu cầu của chính mình. Họ có quyền được sống bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực, nhưng tự bản thân họ lại không cho phép mình được thỏa mãn những nhu cầu cá nhân. Tuy vậy, chúng ta tin tưởng rằng với sự chủ động tạo lập kinh tế của người phụ nữ thì vai trò và vị thế của họ cũng sẽ dần thay đổi và nhận thức về vai trò của giới cũng sẽ biến chuyển để hướng đến gạt bỏ đi những định kiến giới vốn tồn tại dai dẳng.

## **Kết luận**

Kinh tế được xem là nhân tố chủ đạo chi phối đời sống của nữ công nhân nhập cư Bình Dương, nhưng

ấn đằng sau đó là một hệ thống các giá trị chuẩn mực xã hội vẫn đang giữ chân người phụ nữ trong hình mẫu Nho giáo, cho dù vai trò của nữ giới đã thay đổi nhiều so với xã hội truyền thống. Quyết định xuất cư và thực trạng đời sống của nữ công nhân nhập cư có mối liên hệ chặt chẽ với nền tảng văn hóa mà họ hấp thu suốt quá trình xã hội hóa trong gia đình. Những tàn dư của văn hóa Nho giáo tồn tại trong tâm thức của nữ giới, thôi thúc họ dù đang độc thân hay đã lập gia đình dần thân vào hành trình xuất cư, mang theo khát vọng đổi đời cho gia đình chứ không hẳn là cho chính bản thân họ. Bởi vì, họ luôn canh cánh nỗi lòng rằng, lo lắng cho cha mẹ già nơi quê nhà là trách nhiệm của họ; phụ giúp kinh tế với chồng, chăm sóc đời sống gia đình vốn là bổn phận của người vợ và người mẹ. Xuất phát từ sự tự nhận thức về vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với gia đình, nữ công nhân nhập cư chấp nhận hy sinh những nhu cầu cá nhân để tận tụy với sứ mạng giúp đỡ những người thân đang cần đến họ. Mà cụ thể là sự cam chịu, đối diện với những môi trường làm việc nhiều rủi ro, chất chiu trong chi tiêu, tiết kiệm trong ăn uống... Chính những điều đó đã vẽ nên bức tranh chân thực nhất về cuộc sống của những nữ công nhân nhập cư hiện nay. Cuộc sống đó vốn dĩ đã bấp bênh thì nay thêm nhiều lo ngại, khi mà đời sống vật

chất thiếu thốn, đời sống văn hóa tinh thần nghèo nàn tập trung chủ yếu vào các hoạt động hướng nội, ít tốn kém chi phí. Chỉ khi nữ công nhân nhập cư nhận thức rằng họ có quyền sống cho những nhu cầu cá nhân, lúc đó cuộc sống của họ sẽ trở nên nhẹ nhõm, an vui và được sẻ chia hơn từ những người thân và góp phần thăng tiến vị thế của người phụ nữ, hướng đến một xã hội bình quyền hơn, tốt đẹp hơn. Vậy nên, cần có thêm nhiều các hoạt động nâng cao nhận thức nhằm loại bỏ đi những cái nhìn thiên kiến về giới, giúp người phụ nữ bớt nhọc nhằn hơn trong cuộc mưu sinh. Không những thế, chính bản thân người phụ nữ cũng cần nhận thức về bản thân với những quyền lợi chính đáng mà họ đáng được hưởng. Có như vậy, công cuộc phấn đấu cho bình đẳng giới mới thực sự đưa người phụ nữ thoát khỏi những định kiến đã áp đặt bấy lâu nay đối với họ.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Bùi Thị Thanh Hà, 2009, *Vị thế nữ công nhân công nghiệp thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước (Nghiên cứu trường hợp Hà Nội)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Hoàng Bá Thịnh, 2009, *Xã hội học về giới*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Lê Bạch Dương và Nguyễn Thanh Liêm, 2011, *Từ nông thôn ra thành thị - Tác động kinh tế - xã hội của di cư ở Việt Nam*, NXB Lao động.

4. Lê Ngọc Hùng và Nguyễn Thị Mỹ Lộc, 2000, *Giới và phát triển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Lê Thị Quý, 2009, *Xã hội học giới*, NXB Giáo dục.

4. Luật Bình đẳng giới của Quốc hội số 73/2006/QH11 ngày 29/11/2006

5. Mai Huy Bích, 2009, *Xã hội học gia đình*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Nghiêm Liên Hương, 2010, “Tính liên tục của nông thôn - thành thị: Cuộc sống của công nhân may di cư tại Hà Nội”, trong *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận Nhân học*, Quyển 1, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

7. Nguyễn Đức Lộc “*Hiện trạng tiếp cận mức độ phúc lợi xã hội của công nhân tỉnh Bình Dương và đề xuất mô hình hợp lý*”, đề tài Khoa học Công nghệ tỉnh Bình Dương, 2011-2013.

8. Nguyễn Thị Hồng Xoan và cộng sự, 2012, *Giới và di dân tầm nhìn châu Á*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

9. Nguyễn Thị Vân, 2014, “Thuyết tam tông, tứ đức trong Nho giáo và ảnh hưởng của nó đối với người phụ nữ Việt Nam hiện nay”, luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia.

10. Thái Thị Ngọc Du, Nguyen Xuan Nghia, Nguyen Thi Thu Ha, Nguyen Thi Nhan và Maryanne Loughry, 2006, *Female rural migrant workers in the informal sector in Ho Chi Minh city, Viet Nam*.

11. Actionaid, 2014, *Tóm tắt chính sách tiếp cận an sinh xã hội của người lao động nhập cư*.

12. Actionaid, 2011, *Phụ nữ di cư trong nước và hành trình gian nan tìm kiếm cơ hội*.

13. World Bank, 2011, báo cáo *Đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam*.

14. Trần Huỳnh Minh Thu và cộng sự, 2013, *Giới và tiền chuyển về của lao động di cư của Tổ chức LHQ tại Việt Nam*.